

và địa phương có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức quản lý thực hiện dự án theo Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

1.2. Thanh tra xây dựng các cấp thực hiện việc thanh tra các vi phạm về quản lý thực hiện dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Việc thanh tra phải thực hiện theo pháp luật về thanh tra, khi kết thúc thanh tra phải có văn bản kết luận, nếu phát hiện có sai phạm thì phải đề nghị xử lý theo pháp luật.

2. Xử lý các vi phạm:

Cơ quan quản lý xây dựng các cấp, Chủ đầu tư, các tổ chức quản lý thực hiện dự án, các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng, các doanh nghiệp xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan nếu làm trái các quy định về quản lý thực hiện dự án tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu lực:

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế các nội dung hướng dẫn về các hình thức quản lý thực hiện dự án đầu tư và xây dựng tại Thông tư số 01/2000/TT-BXD ngày 01/3/2000 của Bộ Xây dựng.

2. Xử lý chuyển tiếp:

2.1. Các hình thức quản lý thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền quyết định theo các Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 và Nghị định số 92/CP ngày 23/8/1997 tiếp tục thực hiện theo quy định tại hai Nghị định trên và hướng dẫn tại Thông tư số 18/BXD-VKT ngày 10/6/1995 của Bộ Xây dựng cho đến khi kết thúc dự án.

2.2. Hình thức Tự thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền quyết định theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP nhưng đến ngày Nghị định số 12/2000/NĐ-CP có hiệu lực mà vẫn chưa triển khai thực hiện thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2.3. Các hình thức quản lý thực hiện dự án khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/1999/NĐ-CP và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể, các Tổng công ty nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện dự án theo quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để xem xét giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

QUYẾT ĐỊNH số 23/2000/QĐ-BXD ngày 13/11/2000 về việc ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày

03/2/2000 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách xây dựng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 và áp dụng thống nhất trong cả nước.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

QUY CHẾ cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình

(ban hành kèm theo Quyết định số 23/2000/QĐ-BXD ngày 13/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Một số nguyên tắc:

1. Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình có giá trị để xác định trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp của cá nhân trong lĩnh vực thiết kế công trình; quản lý chất lượng thiết kế công trình và là điều kiện để đăng ký kinh doanh

dịch vụ thiết kế công trình theo quy định của pháp luật.

2. Người được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình được làm các việc: Chủ trì thiết kế công trình hoặc chủ nhiệm đồ án thiết kế; sử dụng chứng chỉ để đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình theo quy định của pháp luật; ký và chịu trách nhiệm chính về chất lượng của hồ sơ thiết kế công trình; độc lập hành nghề thiết kế công trình theo quy định của pháp luật.

Người được đào tạo và có trình độ chuyên môn nhưng chưa được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình chỉ được tham gia thiết kế dưới sự quản lý điều hành của người đã được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình và không được ký vào hồ sơ thiết kế công trình với tư cách chủ trì thiết kế công trình hoặc chủ nhiệm đồ án thiết kế.

3. Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình là một căn cứ pháp lý để người có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế xem xét khi thẩm định, phê duyệt thiết kế công trình.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh:

1. Quy chế này quy định đối tượng, điều kiện, thủ tục, thẩm quyền quản lý và cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình.

2. Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam có nhu cầu được cấp chứng chỉ và có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn nghề nghiệp quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế này.

3. Thiết kế công trình trong Quy chế này bao gồm:

a) Các dạng thiết kế:

- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế nội - ngoại thất công trình;

- Thiết kế kết cấu công trình;
- Thiết kế cơ - điện công trình;
- Thiết kế cấp - thoát nước;
- Thiết kế cấp nhiệt;
- Thiết kế thông gió, điều hòa không khí;
- Thiết kế thông tin - liên lạc;
- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;
- Thiết kế các bộ môn khác.

b) Thiết kế các loại công trình:

- Công trình dân dụng (nhà ở và công trình công cộng);
- Công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Công trình công nghiệp (nhà, xưởng sản xuất; công trình phụ trợ; nhà kho; công trình kỹ thuật phụ thuộc);
- Công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế);
- Công trình giao thông (đường bộ, đường sắt, cầu, hầm, cảng, đường thủy, sân bay);
- Công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Công trình nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm nông nghiệp, kho nông nghiệp, trạm chế biến nông sản);
- Công trình lâm nghiệp;
- Công trình nuôi trồng thủy sản;
- Công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm, đài thu - phát; hệ thống cáp; cột anten);
- Công trình xây dựng mỏ;
- Công trình dầu khí (thăm dò khai thác dầu khí, khai thác và chế biến dầu khí, vận chuyển dầu khí, kho - trạm xăng dầu);
- Công trình cấp - thoát nước;

- Công trình xử lý chất thải rắn;
- Các công trình khác.

Điều 3. Nội dung và hiệu lực của chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình:

1. Nội dung chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình theo mẫu thống nhất trên phạm vi cả nước do Bộ Xây dựng quy định và ban hành.

2. Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình có hiệu lực trong thời hạn 5 năm, được gia hạn mỗi lần 5 năm khi người được cấp chứng chỉ có nhu cầu và có đủ điều kiện và tiêu chuẩn nghề nghiệp phù hợp quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế này.

3. Người được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình được phép hoạt động hành nghề thiết kế công trình trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN NGHỀ NGHIỆP ĐỂ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

Điều 4. Điều kiện để được cấp chứng chỉ:

1. Đối với công dân Việt Nam phải có quyền công dân, có đủ năng lực hành vi dân sự và có chứng minh thư nhân dân; đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có hộ chiếu và giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Có hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

3. Nộp lệ phí theo quy định.

Điều 5. Tiêu chuẩn nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ:

1. Trình độ chuyên môn:

- Có bằng đại học (hoặc trên đại học) do các

trường đại học, học viện, cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình phải phù hợp với ngành nghề, chuyên môn đã được đào tạo và năng lực thiết kế công trình của bản thân.

2. Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Có ít nhất ba năm trực tiếp thiết kế công trình (trong đó phải có một năm làm tại Việt Nam) và đã trực tiếp tham gia thiết kế ít nhất 3 công trình theo nội dung đăng ký, có hiểu biết và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xây dựng có liên quan thiết kế công trình.

Chương 3

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ VÀ HÀNH NGHỀ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

Điều 6. Tổ chức quản lý việc cấp chứng chỉ và hành nghề thiết kế công trình:

1. Bộ Xây dựng với chức năng quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện quản lý thống nhất việc cấp chứng chỉ và hoạt động hành nghề thiết kế công trình trong phạm vi cả nước; quy định nội dung và thống nhất phát hành mẫu chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình; tổ chức chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng về nghề nghiệp và nghiệp vụ quản lý hành nghề thiết kế công trình; kiểm tra, thanh tra việc cấp chứng chỉ theo Quy chế này.

2. Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình cho các cá nhân cư trú tại địa phương và quản lý hành nghề thiết kế công trình tại địa phương theo Quy chế này.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp chứng chỉ và quản lý hành nghề thiết kế công trình:

1. Nhiệm vụ:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ nếu thấy cần

sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì yêu cầu người xin cấp chứng chỉ sửa đổi, bổ sung; hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này và pháp luật có liên quan.

b) Cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, trường hợp không cấp phải thông báo lý do và trả lại hồ sơ cho người xin cấp chứng chỉ.

c) Giải quyết các khiếu nại về việc cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình theo thẩm quyền.

d) Kiểm tra hành nghề thiết kế công trình tại địa phương.

e) Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình cấp chứng chỉ và hoạt động hành nghề thiết kế công trình tại địa phương.

2. Quyền hạn:

a) Kiểm tra hồ sơ theo đúng các điều kiện và tiêu chuẩn nghề nghiệp để cấp chứng chỉ.

b) Không cấp chứng chỉ khi người xin cấp không đủ các điều kiện và tiêu chuẩn nghề nghiệp quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế này.

c) Kiểm tra hành nghề thiết kế công trình của người được cấp chứng chỉ theo nội dung chứng chỉ đã được cấp.

d) Thu hồi chứng chỉ đã cấp đối với người vi phạm theo quy định của Quy chế này.

e) Yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình:

1. Quyền hạn:

a) Được sử dụng chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình để đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình theo quy định của pháp luật.

b) Được hành nghề thiết kế công trình theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

c) Đề nghị gia hạn hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ khi có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định.

d) Yêu cầu cơ quan cấp chứng chỉ, các tổ chức có liên quan thực hiện đúng quy định; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cá nhân, tổ chức làm sai quy định tại Quy chế này.

2. Trách nhiệm:

a) Hành nghề thiết kế công trình theo đúng nội dung đã ghi trong chứng chỉ.

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng có liên quan thiết kế công trình.

c) Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế công trình do mình thực hiện hoặc quản lý, thực hiện chế độ bảo hiểm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Không được cho thuê, mượn chứng chỉ để hành nghề thiết kế công trình, không được sửa chữa nội dung chứng chỉ đã được cấp.

e) Xuất trình chứng chỉ và chấp hành việc kiểm tra, thanh tra về hoạt động hành nghề thiết kế công trình theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Quy chế này.

Điều 9. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình bao gồm:

1. Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình, kèm theo 3 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm chụp trong năm gần nhất.

2. Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn; nếu là văn bằng, chứng chỉ do nước ngoài cấp phải dịch ra tiếng Việt và có công chứng.

3. Bản khai quá trình hoạt động chuyên môn.

4. Giấy xác nhận của tổ chức hoặc cá nhân dưới đây (những người có bằng trên đại học thì hồ sơ không cần giấy xác nhận này):

a) Tổ chức chuyên môn phù hợp với ngành nghề của người xin cấp chứng chỉ;

b) Hội nghề nghiệp phù hợp với ngành nghề của người xin cấp chứng chỉ mà người xin cấp chứng chỉ là hội viên.

c) Cá nhân có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình với nghề nghiệp tương tự hoặc cá nhân có nghề nghiệp tương tự và có bằng cấp cao hơn người xin cấp chứng chỉ.

Giấy xác nhận làm theo mẫu.

Điều 10. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình:

1. Người xin cấp chứng chỉ nộp tại cơ quan cấp chứng chỉ 1 bộ hồ sơ (theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này).

2. Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình được làm thành 2 bản chính, 1 bản giao cho người được cấp, 1 bản lưu tại cơ quan cấp chứng chỉ.

3. Người được cấp chứng chỉ nộp lệ phí tại cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định.

Chương 4

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 11. Kiểm tra, thanh tra:

1. Cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình có trách nhiệm kiểm tra hoạt động hành nghề thiết kế công trình tại địa phương; nếu phát hiện có vi phạm thì lập biên bản và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật.

2. Bộ Xây dựng kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế này trong phạm vi cả nước; giải quyết các vướng mắc và nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi cần thiết.

Điều 12. Xử lý vi phạm.

1. Cơ quan cấp chứng chỉ và quản lý hành nghề thiết kế công trình có quyền thu hồi chứng chỉ và thông báo cho các cơ quan có liên quan biết nếu cá nhân hành nghề thiết kế công trình vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

- Hành nghề thiết kế công trình không đúng nội dung ghi trong chứng chỉ;
- Vi phạm quy định của Quy chế này;
- Vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng có liên quan thiết kế công trình.

2. Người có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình, người có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế công trình nếu làm sai các quy định của Quy chế này hoặc pháp luật có liên quan thì tùy mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, bồi thường vật chất hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương 5

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành:

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 và áp dụng trong phạm vi cả nước.

2. Chứng chỉ Kiến trúc sư chủ nhiệm đồ án được cấp theo "Quy chế hành nghề kiến trúc sư" (ban hành kèm theo Quyết định số 91/BXD-ĐT ngày 16/4/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) có giá trị tương đương Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình theo Quy chế này về các nội dung thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình và thiết kế nội ngoại thất công trình./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ số 04/2000/TT-BVGCP ngày 15/11/2000 hướng dẫn thi hành Nghị định số 44/2000/NĐ-CP ngày 01/9/2000 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả.

Thực hiện Điều 24 Nghị định số 44/2000/NĐ-CP ngày 01/9/2000 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả (dưới đây gọi tắt là Nghị định số 44/CP), Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn một số điểm như sau:

Mục I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định quản lý nhà nước về giá cả mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính.

2. Đối tượng điều chỉnh trong Nghị định số 44/CP bao gồm:

- Cá nhân, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa và dịch vụ.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả trên lãnh thổ Việt Nam cũng bị xử phạt như đối với cá nhân, tổ chức Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

3. Một số cụm từ trong Nghị định số 44/CP được hiểu như sau:

- Vi phạm nhiều lần là trường hợp thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá cả từ lần thứ 2 trở đi.